369/BC-UBND 21/06/2024 07:14:19

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI

Phụ lục 01

TỔNG HỢP NHÂN LỰC CỦA
CƠ SỞ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH CẤP HUYỆN
(Cập nhật số liệu tính đến thời điểm 30/5/2024)

STT	Họ và Tên	Công việc hiện đang đảm nhiệm					Trình độ chuyên môn						Số người có thẻ nhà báo *(tính tại thời điểm 30/5/2024)*	số điện thoại
							Đại học trở lên			Cao đẳng trở xuống				
		Biên tập viên	Phóng viên	Phát thanh viên	Kỹ thuật viên	Công việc khác *(liên quan đến hoạt động truyền thanh, truyền hình)*	Báo chí, truyền thông	Điện tử-Viễn thông, CNTT	Ngành khác	Báo chí, truyền thông	Điện tử-Viễn thông, CNTT	Ngành khác		
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nguyễn Thị Phương Dung	x	x	x					x					0986.675.208
2	Nguyễn Văn Hưởng				x						x			035.222.4339
3	Nguyễn Thị Hoài Thương	x	x	x						x				098.248.3221
	Tổng cộng	02	02	02	01				01	01	01		0	

Lưu ý: tích dấu (x) vào nhiều ô nếu thực hiện nhiều nhiệm vụ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI

TỔNG HỢP THIẾT BỊ KỸ THUẬT CỦA
CƠ SỞ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH CẤP HUYỆN
(Cập nhật số liệu tính đến thời điểm 30/5/2024)

Phụ lục 02

Thiết bị kỹ thuật					GHI CHÚ
Số lượng máy tính *(cài đặt phần mềm biên tập chương trình truyền hình, biên tập chương trình phát thanh)*	Số lượng máy quay phim chuyên dụng	Số lượng máy thu âm chuyên dụng	Số lượng máy ảnh	Số lượng các thiết bị khác phục vụ sản xuất nội dung chương trình	
5	**8**	**9**	**10**	**11**	**26**
01 máy dựng truyền hình, 01 máy dựng phát thanh	02 máy	02 máy	03 máy (trong đó: 02 máy đang bị hư hỏng; 01 máy đang sử dụng tốt)	01 máy	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI

Phụ lục 03

TỔNG HỢP VỀ NĂNG LỰC SẢN XUẤT SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN CỦA CƠ SỞ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH CẤP HUYỆN

(Số liệu tính từ tháng 01/2024 đến 30/5/2024)

Số lượng trung bình chương trình tự sản xuất/tháng		**Số lượng trung bình tin, bài tự sản xuất/tháng**			**Số lượng trung bình các video clip tự sản xuất/tháng**			**Số lượng trung bình tin, bài tự sản xuất được đăng tải/tháng**		**Số lượng trung bình các chương trình phát thanh tự sản xuất được phát sóng/tháng**	**Số lượng trung bình các chương trình truyền hình tự sản xuất được phát sóng/ tháng**	**Số lượng trung bình tin, bài tự sản xuất được phát sóng/tháng**	**Số lượng trung bình tin, bài tự sản xuất được phát sóng/tháng**	GHI CHÚ
Phát thanh	*Truyền hình*	*Đăng trên Cổng TTĐT cấp huyện*	*Đăng trên Bảng tin ĐT công cộng cấp huyện*	*Đăng trên các nền tảng truyền thông khác*	*Đăng, phát trên Cổng TTĐT cấp huyện*	*Đăng, phát trên Bảng tin ĐT công cộng cấp huyện*	*Đăng, phát trên các nền tảng truyền thông khác*	*Báo cấp tỉnh*	*Báo Trung ương*	*Đài PT - TH cấp tỉnh*	*Đài PT - TH cấp tỉnh*	*Đài Tiếng nói Việt Nam*	*Đài TH Việt Nam*	
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**
10 chương trình/tháng	04 chương trình/tháng	35 tin/tháng		04 tin, bài/tháng	03 video clip/tháng		03 video clip/tháng	02 tin, bài/tháng			04 chương trình/tháng			

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI

TỔNG HỢP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA
CƠ SỞ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH CẤP HUYỆN

Phụ lục 04

Kinh phí được cấp trong 03 năm (2021, 2022,2023)							Tổng các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, quảng cáo… *(nếu có)*	GHI CHÚ
Tổng kinh phí *(1=2+3+4+5+6+7)*	Chi nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của hoạt động truyền thanh - truyền hình			Chi mua sắm, nâng cấp thiết bị kỹ thuật của hoạt động truyền thanh truyền hình				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.206.006.000	285.806.000	245.200.000	297.000.000		378.000.000		Không	